

Bản án số: **217/2022/HNGĐ-ST**  
Ngày: 27-12-2022  
V/v “Tranh chấp về ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ SƠN, TỈNH QUẢNG NAM**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Châu Thị Kim Phượng.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lương Văn Ánh;
2. Bà Trần Thị Ba.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Liêm, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

Ngày 27 tháng 12 năm 2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 191/2022/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2022 về “Tranh chấp về ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 100/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Lê Ngọc T, sinh năm 1984; *Vắng mặt.*
2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1981; *Vắng mặt.*

Cùng địa chỉ: thôn Đ, xã Q, huyện S, tỉnh N.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 29/6/2022, bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn - anh Lê Ngọc T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị P tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã Q, huyện S, tỉnh N cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 64 ngày 09/7/2014. Sau khi kết hôn, thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, nhưng những năm sau vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, tranh cãi, gây lộn trong gia đình. Nay anh thấy tình cảm vợ chồng đã rạn nứt, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên anh xin được ly hôn với chị P.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có.

*Tại bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn - chị Nguyễn Thị P trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lê Ngọc T tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã Q, huyện S, tỉnh N cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 64 ngày 09/7/2014. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc được một thời gian, sau đó thường xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhau, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Nay anh T xin ly hôn chị đồng ý thuận tình ly hôn.

Về con chung: Không có và hiện tại chị không mang thai.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Lê Ngọc T có quan hệ hôn nhân hợp pháp với chị Nguyễn Thị P. Chị P có nơi cư trú tại thôn Đ, xã Q, huyện S, tỉnh N. Nay, anh T khởi kiện xin ly hôn với chị P nên quan hệ pháp luật được xác định là “*Tranh chấp về ly hôn*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam theo khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Về sự vắng mặt của các đương sự: Tại phiên tòa, các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự tại phiên tòa.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị P tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã Q, huyện S, tỉnh N cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 64 ngày 09/7/2014 nên là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật thừa nhận. Sau khi kết hôn, anh T và chị P sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, thường cãi vã nhau nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo hòa giải nhiều lần nhưng chị P đều vắng mặt, thể hiện chị P không có thiện chí trong việc hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng. Tại phiên tòa, anh T và chị P đều có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T cương quyết xin ly hôn, chị P thống nhất thuận tình ly hôn theo yêu cầu của anh T. Điều đó cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng anh T và chị P đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T là phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có.

[3]. Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm anh Lê Ngọc T phải chịu theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Ngọc T về việc “*Tranh chấp về ly hôn*”.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Lê Ngọc T và chị Nguyễn Thị P.

2. Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng anh Lê Ngọc T phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh T đã nộp là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004845 ngày 26/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo yêu cầu xét xử theo trình tự phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Nam
- VKSND huyện Quế Sơn;
- Chi cục THADS huyện Quế Sơn;
- Ủy ban nhân dân xã Quế Phú  
(Giấy CNKH số 64 ngày 09/7/2014);
- Lưu: Án văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Châu Thị Kim Phượng**